TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬUGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS - ST
Ngày: 31 – 12 - 2021
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Nguyễn Hữu Nghị

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng –Thư ký Tòa án.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST - DS ngày 29/6/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST - DS ngày 21/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần S

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Phan Văn H – Giám đốc chi nhánh Hậu Giang.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Trường A –Phó Trưởng phòng giao dịch huyện C, tỉnh Hậu Giang (*theo giấy ủy quyền số 085/2021/UQ – CNHG ngày 29/12/2021*) (Có mặt).

2. Bị đơn: 1/ Ông Phan Bé T

2/ Bà Nguyễn Vành K

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hậu Giang tại phòng giao dịch huyện Châu Thành A (viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền, cụ thể:

Ngày 01/02/2019 ký hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 20%/năm, ông T, bà K đã nhận đủ số tiền vay cùng ngày ký hợp đồng. Đến nay ông T và bà K mới trả cho Ngân hàng được 31.253.000 đồng tiền gốc và 10.666.049 đồng tiền lãi trong hạn, còn nợ Ngân hàng tổng số nợ 76.2448.324 đồng trong đó nợ gốc 38.747.000 đồng, lãi trong hạn 17.500.500 đồng, lãi quá hạn 17.372.868 đồng, lãi chậm trả 2.623. 956 đồng.

Ngày 07/8/2018, ông Phan Bé T ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý và cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.900.000 đồng. Đến nay ông T mới trả cho Ngân hàng được 8.454.000 đồng. Tính đến ngày xét xử ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 32.556.804 đồng, trong đó nợ gốc 15.660.294, lãi quá hạn 16.896.510 đồng.

Ngày 25/8/2018, bà Nguyễn Vành K ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý và cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng. Sau khi cấp thẻ, bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 12.300.000 đồng. Bà K mới trả cho Ngân hàng được 5.652.000 đồng. Tính đến ngày xét xử bà K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 23.705.128 đồng trong đó nợ gốc 11.620.328, lãi quá hạn 12.084.800 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khoản nợ của ba hợp đồng nêu trên với tổng số tiền 132.506.256 đồng và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu được toàn quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc sở hữu của ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K. Buộc ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K phải chịu toàn bộ án phí và chi phí phát sinh liên quan.

Quá trình giải quyết tại Tòa, bị đơn ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông T, bà K vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K phải trả khoản nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa đều vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm các bản sao được công chứng như: Hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 (Kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cấp cho bà Nguyễn Vành K; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cấp cho ông Phan Bé T, phiếu yêu cầu đã nhận thẻ và pin của bà Nguyễn Vành K và ông Phan Bé T từ đó có căn cứ khẳng định bị đơn ông T, bà K có giao dịch vay tiền tại Ngân hàng, cụ thể:

Ngày 01/02/2019 ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K ký hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 20%/năm, ông T và bà K đã nhận đủ số tiền vay.

Ngoài ra, Ngày 25/8/2018, bà Nguyễn Vành K ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được Ngân hàng đồng ý và cấp thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng cho bà K. Ngày 07/8/2018, ông Phan Bé T ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng đồng ý và cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng cho ông T. Ông T và bà K đã nhận đủ thẻ được kích hoạt và đã thực hiện giao dịch rút tiền.

Do ông T và bà K vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà K có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ theo ba hợp đồng đã giao dịch trên. Xét thấy mặc dù đối với hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 do ông T và bà K cùng vay và cùng ký nhận, còn một hợp đồng thẻ ngày 25/8/2018 chỉ có bà K ký vay và một hợp đồng thẻ ngày 7/8/2018 chỉ ông T ký vay. Tuy nhiên quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn có mặt tại địa phương, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia tố tụng tại Tòa nhưng bị đơn không đến Tòa cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 24/8/2019, ông Bé T cam kết thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ do bà Vành K ký vay.

Từ đó có căn cứ xác định cả ba hợp đồng trên với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 132.506.256 đồng là khoản nợ chung của ông T và bà K vay sử dụng chung trong gia đình nên buộc ông T bà K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số sợ gốc, lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

Đối với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng, do hai bên không có ký hợp bảo đảm bằng tài sản cho khoản vay nên Tòa án không đề cập xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 132.506.256 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án bị đơn

phải chịu toàn bộ án phí với mức thu là (5 % của giá trị tranh chấp) 6.625.312 đồng.Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 91; điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điều 26 Nghị quyết 326/NQ UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần.

Buộc ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 và hợp đồng thẻ là 132.506.256 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm linh sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng), trong đó khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số LD 1903200741 là 76.244.324 đồng; khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thẻ ký ngày 07/8/2018 là 32.556.804 đồng; khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng thẻ ký ngày 25/8/2018 là 23.705.128 đồng (lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (31/12/2021) người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự: Ông Phan Bé T và bà Nguyễn Vành K phải chịu là 6.625.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.788.000 theo biên lai số 0007882 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thọ